

VỊ TRÍ CỦA NGÕ VÙNG HẠ CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ HÀNH CUNG ỨNG PHONG THỜI LÝ

Vũ Minh Giang^(*)

Các học giả thường dễ thống nhất nhận định rằng trong lịch sử Việt Nam, châu thổ sông Hồng là vùng đất có vị trí đặc biệt quan trọng. Nhưng lại có một thực tế là giới nghiên cứu đường như chưa có sự quan tâm đúng mức đến vị trí của ngõ của vùng cửa sông ven biển. Đây chính là nơi chuyển giao những giá trị của văn minh sông Hồng ra thế giới bên ngoài và tiếp nhận những giá trị văn hoá ngoại lai, góp phần không nhỏ vào quá trình biến đổi kinh tế - xã hội và văn hoá của cư dân cả vùng châu thổ.

Dưới thời Lý (1009-1225), vùng đất nằm giữa sông Hồng và sông Đáy là cửa ngõ quan trọng của châu thổ sông Hồng và của cả nước Đại Việt. Khi ấy vùng đất này thuộc phủ Ứng Phong, lộ Hải Thanh, về đại thể, tương đương với đất của các huyện Mỹ Lộc, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực và một phần của hai huyện Trực Ninh, Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định ngày nay. Phủ Ứng Phong có hai cửa biển quan trọng là Ba Lạt và Đại An. Ba Lạt là nơi sông Hồng đổ ra biển. Ở thời Lý cửa biển này nằm vào khoảng ngã ba sông, nơi tiếp giáp hai huyện Trực Ninh và Xuân Trường. Đại An (hay Đại Ác) là tên của sông Đáy, khi đó ở vào khoảng bến dò Độc Bộ, nơi gặp nhau của sông Đáy và sông Đào.

1. Vị trí cửa ngõ của vùng hạ lưu

Do tiếp giáp với biển, vùng đất từ Quán Cốc ra tới cửa Ba Lạt mà trung tâm là khu vực chùa Cổ Lễ nhanh chóng biến thành một dải giao thoa văn hoá. Vùng đất này khi ấy có tên Nôm là Keo, tên chữ là Giao Thuỷ (có nghĩa là vùng nước ngọt và nước mặn giao nhau khi triều lên). Đây là nơi neo đậu cư trú của những cư dân đánh cá sau những ngày đi biển. Họ sống tụ cư thành các vạn chài. Xung quanh những điểm tụ cư này thường diễn ra các hoạt động trao đổi buôn bán với cư dân làm nông nghiệp và thuyền buôn từ các nơi khác đến. Cảnh trên bến dưới thuyền đã tạo nên sự năng động trong đời sống kinh tế và sự đa dạng, phong phú trong diện mạo văn hoá. Tại chùa Chùa Nghĩa Xá (tên chữ là Viên Quang tự / 圆光寺) thuộc xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, hiện còn lưu giữ được một tấm bia thời Lý có tên *Viên Quang tự bi minh tính tự* (圆光寺碑铭並寺). Về niên đại tấm bia, các hồ sơ di tích và các tài liệu đã công bố đều cho là được tạo dựng vào năm 1122⁽¹⁾ vì dưới tên bia có dòng chữ “*Duy Thiên phù Duệ vũ tam niên*” (维天浮睿武三年). Lý Nhân Tông (1072-1127) có 8 niên hiệu. Thiên phù Duệ vũ là niên hiệu thứ 7, được cải vào năm Canh Tý (1120) nên năm thứ ba đúng là 1122. Tuy nhiên nghiên cứu kỹ nội dung thì thấy bài văn bia này không thể soạn vào năm đó với các lý do sau đây:

^(*) GS.TSKH. Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁽¹⁾ Hồ sơ xếp hạng di tích do Sở Văn hóa – Thông tin Hà Nam Ninh lập ngày 10 tháng 5 năm 1991.

Thứ nhất, trong văn bia có khắc: “Kim Viên Quang tự tức Lý Anh Tông chi sở sáng (今圓光寺者即李英宗之所創)” có nghĩa là “Chùa Viên Quang này do Lý Anh Tông sáng lập”. Vua Anh Tông triều Lý ở ngôi 38 năm (1137-1175). Nếu như bia được khắc ngay năm đầu của vua Anh Tông thì cũng đã muộn hơn niên đại nêu trên tới 16 năm. Hơn thế văn bia đã dùng tới Miếu hiệu của ông là Anh Tông (英宗) thì văn bia chắc chắn phải soạn sau khi ông đã qua đời, nghĩa là sớm nhất cũng là năm 1175.

Thứ hai, văn bia có nói việc vua ra sắc chỉ tu sửa chùa vào năm Thiệu Minh thứ nhất (niên hiệu của Lý Anh Tông, năm 1137). Như vậy “sáng lập” ở đây phải hiểu là trùng tu nhưng đổi tên mới là chùa Viên Quang. Trước đó chùa này có tên là Diên Phúc tự.

Thứ ba, ở đoạn cuối của bia, sau khi kể lại việc hai vua Nhân Tông (仁宗) và Anh Tông (英宗) - đều dùng Miếu hiệu-di tuần du thì nói đến Kim vương (今王, nghĩa là vua đương triều). Chúng tôi cho rằng tấm bia này, xét về mặt nội dung, nhiều khả năng được tạo dựng dưới thời Lý Cao Tông (1176 -1210). Người soạn bài minh là Đinh Đạt.

Dòng chữ đầy đủ để dưới tên bia là:

“Duy Thiên phù Duệ vũ tam niên Giác Hải đại pháp sư khắc bia nhất diện” (維天浮睿武三年海大法師刻碑一面) theo chúng tôi, không phải là niên đại của tấm bia này. Đó là lý do khắc bia để tiếp nối (nghĩa ở chữ “duy”) một tấm bia nào đó mà Giác Hải Thiên sư đã cho khắc vào năm Thiên phù Duệ vũ tam niên (1122), có thể vào thời kỳ chùa Diên Phúc. Đó có thể là một tấm bia khác nay đã mất.

Theo nhân dân địa phương và ý kiến các chuyên gia nghiên cứu thì vị trí ban đầu của chùa vốn ở vạn Giao Thủy, sau nhiều lần di rời chùa mới được chuyển về vị trí như hiện nay. Vạn Giao Thủy thời Lý ở gần bờ sông Hồng, trong khoảng từ xã Nam Thắng đến xã Nam Hồng, huyện Nam Trực hiện nay. Điều này phù hợp với nội dung một tấm bia khác của chùa được dựng muộn hơn vào năm Đồng Khánh thứ 2 (1887). Theo tấm bia này, dưới thời Lý đây là ngôi chùa lớn có tới 36 toà với hàng trăm gian. Khi sông Hồng đổi dòng, chùa có nguy cơ bị lở nên đã được dời về Bát Dương (xã Vũ Phong, Vũ Hợp, huyện Vũ Thư), sau mới chuyển về vị trí hiện nay. Bát Dương là vùng đất nằm ở bên kia sông Hồng, ngang với Quán Các⁽²⁾.

Sự chuyển dời qua các thời kỳ lịch sử của chùa Viên Quang cũng rất giống với sự chuyển dịch của chùa Keo. Tên chữ của chùa là Thần Quang tự (神光寺) hiện được đặt cho ba ngôi chùa lớn ở vùng hạ lưu sông Hồng. Đó là chùa Keo Hành Thiện, chùa Keo Dũng Nhuệ (Thái Bình) và chùa Cổ Lễ.

Sự dịch chuyển của các ngôi chùa cổ liên quan tới sự chuyển đổi dòng chảy của sông Hồng và quá trình mở rộng của vùng đất hạ lưu chứng tỏ sự gắn bó rất chặt chẽ giữa văn hoá với điều kiện tự nhiên. Đây là một đặc điểm rất quan trọng của vùng đất này.

²⁾ Theo tấm bia Hậu dựng năm thần Chính Hòa 9 (1688) thì thời kỳ này Quán Các còn là một xã thuộc huyện Giao Thủy, phủ Thiên Trường. Nay đã thuộc xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

Trong không gian văn hoá giao tiếp và luôn biến động đã sản sinh ra những nhân vật lịch sử mà sự nghiệp của họ đã đi vào huyền thoại với những sự tích kỳ lạ chẳng những bao trùm lên toàn bộ vùng đất Nam Định thời Lý mà còn là một hiện tượng mang tầm vóc quốc gia. Đó là các thiền sư Dương Không Lộ, Nguyễn Minh Không và Giác Hải. Họ đều là những nhân vật thường xuyên có điều kiện giao du khắp mọi miền trong nước và ra nước ngoài. Trong nhiều truyền thuyết, sự tích của hai thiền sư Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không thường đồng nhất với nhau⁽³⁾. Với tình hình nghiên cứu hiện nay, khó có thể khẳng định đây là hai hay chỉ là một người. Tuy nhiên, dựa vào các tư liệu thư tịch gần gũi nhất với thời Lý như sách *Thiền Uyển tập anh (TUTA)*, *Lĩnh Nam chí quái (LNTQ)*... thì Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không là hai người khác nhau.

Theo sách *TUTA*, Không Lộ quê ở Hải Thanh (tức Nam Định và một phần Thái Bình ngày nay), sinh năm nào không rõ nhưng được ghi mất vào năm 1119. Ông sinh ra trong một gia đình làm nghề đánh cá. Khi trưởng thành, sau một thời gian lênh đênh sông nước theo nghiệp cha, ông quyết chí tu hành. Ông kết bạn với Thiền sư Giác Hải và cùng nhau đến thụ học Thiền sư Hà Trạch ở am Mộc Ngưu, làng Đỗ Bồ⁽⁴⁾. Năm 1069 Lý Thánh Tông đích thân dẫn quân đi đánh Chiêm Thành. Cả khi xuất quân lẫn lúc khai hoàn đoàn binh thuyền nhà Lý đều qua cửa Đại An. Trong số những người vua Lý Thánh Tông đem về từ Champa có Thảo Đường, một Thiền sư Trung Hoa khi ấy đang truyền đạo ở kinh đô Vijaya. Cảm mến tài năng của vị cao tăng, hoàng đế Thánh Tông đã phong làm Quốc sư, cho lập một Thiền phái mới ở Đại Việt. Dương Không Lộ đã từng trực tiếp theo học Quốc sư. Chính vì vậy mà sách *TUTA* đã xếp Không Lộ vào thế hệ thứ ba của Thiền phái Thảo Đường, nhưng vì trước đó, nhà sư đã từng theo phái Vô Ngôn Thông nên lịch sử Phật giáo còn coi ông thuộc thế hệ thứ 10 của dòng Thiền này⁽⁵⁾.

Không Lộ là một thiền sư tài trí hơn người đã có công lao giúp dân mở mang đất đai, chấn hưng văn hoá và nhất là đã mở ra một kỷ nguyên mới cho nghề đúc đồng, một kỹ thuật có vai trò to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hoá không chỉ riêng cho Nam Định mà cả quốc gia Đại Việt khi đó. Sản phẩm tiêu biểu của nghề đúc đồng thời kỳ này là chuông và tượng Phật có kích thước lớn. Hầu như ngôi chùa cổ nào trên đất Nam Định có nguồn gốc kiến tạo từ thời Lý đều thờ ông và ở tất cả những nơi có nghề đúc đồng truyền thống đề tôn ông lên thành Tổ Nghề để thờ phụng. Tại làng đúc đồng Ngũ Xã nổi tiếng ở Hà Nội cũng có một ngôi chùa mang tên Thần Quang tự (cùng tên với chùa Keo Hành Thiện, chùa Keo Dũng Nhuệ và chùa Cổ Lễ) thờ Không Lộ làm Tổ Nghề.

⁽³⁾ Sự lẫn lộn này có thể bắt đầu từ sách *Nam Ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng. Trong truyền *Minh Không thần đi*, Hồ Nguyên Trừng đã đồng nhất hai người làm một. Từ đó về sau có nhiều sách dẫn lại và trở thành một môtip phổ biến trong dân gian là gộp hai người làm một.

⁽⁴⁾ Theo *Thiền Uyển tập anh*, Hà Trạch là tên người, sau này dân gian dùng để gọi tên chùa do vị Thiền sư này sáng lập. Làng Đỗ Bồ có thể là Đốc Bồ, vùng cửa sông Đáy thời Lý. Đây là một trong những cửa ngõ quan trọng của vùng châu thổ Bắc Bộ khi ấy.

⁽⁵⁾ Theo *Thiền Uyển tập anh*, *An Nam chí lược* (Lê Tắc) *Việt Nam Phật giáo sử luận* (Nguyễn Lang).

Đất Nam Định từ thời Lý đã có những trung tâm chế tác đồng nổi tiếng mà tiêu biểu là làng Tống Xá (nay thuộc xã Yên Xá, huyện Ý Yên). Tại chùa Phổ Minh, Nam Định từng có một vạc đồng được xếp vào hạng đại khí, tương truyền đều do Không Lộ chế ra.

Nguyễn Minh Không quê gốc không ở Nam Định nhưng lại sớm tới đây sinh sống và sự nghiệp của ông cũng hưng vượng từ đất Giao Thủy. Minh Không vốn là người Đầm Xá, Đại Hoàng (nay thuộc Ninh Bình) tên thật là Nguyễn Chí Thành, sinh năm 1066, mất năm 1141⁽⁶⁾. Đi tu từ năm 11 tuổi Chí Thành đã từng nhiều năm theo học Thiền sư Từ Đạo Hạnh và nhận pháp danh là Minh Không, sau đó về trụ trì chùa Giao Thủy⁽⁷⁾. Ông nổi tiếng là một Thiền sư không chỉ thông kinh bác quyển mà còn giỏi nghề thuốc, có thể chữa được các bệnh nan y. Do có công chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông mà được triều Lý phong làm Quốc sư. Sách Thiền Uyển tập anh xếp ông vào thế hệ thứ 13 của dòng Thiền Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci).

Gắn liền tên tuổi Không Lộ là Thiền sư Giác Hải. Cũng là người lộ Hải Thanh, sinh trưởng trong một gia đình ngư dân, năm 25 tuổi ông đi tu. Ông là người sáng lập chùa Diên Phúc (sau đổi là Viên Quang). Thời Lý, ngôi chùa này cũng ở vào vị trí gần với chùa Thần Quang (chùa Keo).

2. Vị trí của Hành cung Ứng Phong

Dưới thời Lý, Nam Định không những là một cửa ngõ của cả vùng châu thổ sông Hồng mà còn là một trung tâm kinh tế quan trọng. Các vua Lý đã dành sự quan tâm đặc biệt cho vùng đất này. Qua các tư liệu lịch sử ta biết trên đất Nam Định xưa, nhà Lý đã cho xây ít nhất hai Hành cung làm nơi cho vua dừng chân nghỉ lại trong những lần đi kinh lý vùng đất này. Hành cung thứ nhất, trong sử sách thường gọi là Hải Thanh, có thể ở vào khu vực gần chùa Keo, một trung tâm văn hoá, kinh tế lớn thời đó. Xã Hành Thiện nay thuộc huyện Xuân Trường vốn có tên là xã Hành Cung, trước đây ở vào vị trí gần với bến dò Quán Các, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực. Do sông đổi dòng, phần lớn những di tích kiến trúc cổ từ thời Lý đã bị nước sông cuốn đi, dân chúng phải di dời đến vùng đất mới. Địa danh Hành Cung cũng “trôi” theo cư dân về phía đông sau trở thành xã Hành Thiện.

Hành cung thứ hai là Ứng Phong, được xây dựng tại một “không gian thiêng” có những dãy núi cổ và đồng thời là trung tâm sản xuất lúa gạo. Các vua Lý, đặc biệt là Lý Nhân Tông, thường đến đây để xem dân cấy lúa và gặt hái.

Trong suốt 56 năm trị vì đất nước, sử chép 19 lần vua ngự giá tới các hành cung thì 11 lần ông tới xem cày hoặc xem gặt tại hành cung Ứng Phong. Tổng hợp các thông tin được chép trong các chính sử ta còn biết, trong số 14 lần hành cung Ứng Phong được nhắc đến trong các bộ sử thì chỉ có 2 lần liên quan đến Lý Anh Tông và 1 lần

⁽⁶⁾ Về năm sinh của Nguyễn Chí Thành tức Nguyễn Minh Không các sử liệu chép rất khác nhau. Ngày tháng trên đây là dựa vào lịch sử chùa Lý Triều Quốc sư do Thượng tọa Thích Bảo Nghiêm biên soạn.

⁽⁷⁾ Chùa Giao Thủy tức là chùa Keo. Lúc đầu khi mới dựng chùa có tên là Quang Nghiêm tự, sau đổi là Thần Quang tự. Đây là ngôi chùa tương truyền do Thiền sư Dương Không Lộ dựng, sau này Nguyễn Minh Không tiếp tục trụ trì. Địa điểm dựng chùa thời Lý ở vào khoảng Quán Các ngày nay.

ngự du của Trần Thái Tông, còn lại đều gắn với Lý Nhân Tông. Xin xem bảng thống kê dưới đây:

Thời gian		Tên vua	Nội dung sự kiện	Nguồn
Tháng	Năm			
2	1101	Lý Nhân Tông	Xem cây ruộng	VSL
2	1102	Lý Nhân Tông	Xem cây ruộng	VSL
3	1117	Lý Nhân Tông	Khánh thành tháp Vạn Phong. Xem cây ruộng ở Hành cung ứng Phong	TT
6	1117	Lý Nhân Tông	Xem cây ruộng. Cầu đảo	TT
10	1123	Lý Nhân Tông	Xem gặt. Bắ cầu qua sông Ba Lạt	TT
1	1124	Lý Nhân Tông	Xem cây ruộng	TT
4	1125	Lý Nhân Tông	Xem cây ruộng và ở lại đây 2 tháng	TT
6	1125	Lý Nhân Tông	Từ ứng Phong đi Hành cung Ly Nhân	TT
10	1125	Lý Nhân Tông	Xem gặt	TT
11	1126	Lý Nhân Tông	Xem gặt	TT
4	1127	Lý Nhân Tông	Xem gặt	TT
2	1148	Lý Anh Tông	Cày tịch điền ở Ly Nhân rồi đến ƯP	TT
11	1154	Lý Anh Tông	Dựng Hành cung ứng Phong, Ly Nhân	TT
1	1245	Trần Thái Tông	Vua ngự hành cung	TT

Những thông tin kể trên cho thấy phủ Ứng Phong nói chung và hành cung Ứng Phong nói riêng có vị trí quan trọng đối với vương triều Lý, đặc biệt dưới thời cai trị của Nhân Tông, thời kỳ đã diễn ra hầu hết các sự kiện lớn của nước Đại Việt thời Lý như kháng chiến chống Tống, lập Văn Miếu, mở Quốc Tử Giám và tổ chức kỳ thi đầu tiên... Không phải vô cớ mà có năm Nhân Tông tới đây hai, ba lần (năm 1117, 1125) và có lần nhà vua lưu lại hành cung đến hai tháng (tháng 4 đến tháng 6 năm 1125).

Nếu như có thể dễ dàng thống nhất về tầm quan trọng của hành cung Ứng Phong dưới thời Lý thì việc xác định cụ thể địa điểm của hành cung lại là vấn đề hoàn toàn không đơn giản. Khi chép việc Lý Nhân Tông về hành cung Ứng Phong xem cây ruộng vào năm 1117, sách *Cương mục (CM)* có lời chua: “Ứng Phong thuộc tỉnh Nam Định. Xưa là huyện Hiến Khánh, Lý đổi làm Ứng Phong. Nhà Trần đổi làm Kiến Hưng, khi thuộc Minh đổi làm phủ Kiến Bình, nhà Lê gọi là phủ Nghĩa Hưng, tức là phủ Nghĩa Hưng bây giờ”[6, tr.8]. Theo lời chỉ dẫn này, dịch giả sách *Việt sử lược* đã chú thích hành cung này thuộc huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định [5, tr.229]. Các dịch giả *Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT)*, tập I lại đoán định vị trí hành cung Ứng Phong trên một phạm vi khá rộng, tương đương với phủ Nghĩa Hưng đời Lê, tức là đất ba huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản, tỉnh Nam Hà [2, tr.288]. Trong khi đó, người

dịch và chú thích tập II sách ĐVSKTT lại cho rằng “*Từ đời Lý đã có hành cung Ứng Phong, có lẽ ở trong đất huyện Ý Yên*”[3, tr.20].

Như vậy là cho đến nay, các chuyên gia vẫn chưa có ý kiến thống nhất về vị trí của hành cung Ứng Phong.

Trong sách Đại Nam nhất thống chí (ĐNNTC) phần viết về phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định có một thông tin rất đáng lưu ý: “*Phủ Nghĩa Hưng...Đời Hán là đất quận Giao Chỉ. Nguyên trước là huyện Hiên Khánh (nay huyện Thiên Bản còn có tổng Hiên Khánh), đời Lý đổi làm huyện Ứng Phong*”. Sách này còn cho biết, tại xã Hiên Khánh có miếu thờ Lý Nhân Tông [1,tr.339]. Đây là những chỉ báo rất quan trọng.

Trong quá trình khảo sát điền dã tại các làng xã thuộc huyện Vụ Bản, chúng tôi đặc biệt quan tâm tới xã Minh Thuận vì những đặc điểm khác lạ của nó so với các làng xã còn lại của huyện. Kề sát bên Minh Thuận vẫn còn xã Hiên Khánh, tại đó di tích miếu thờ Lý Nhân Tông vẫn còn. Rất có thể đây là một địa điểm nằm trong vùng trung tâm của huyện Ứng Phong thời Lý, phủ Nghĩa Hưng thời Lê. Tại Minh Thuận trong những năm gần đây liên tục phát hiện thấy những di vật liên quan đến kiến trúc thời Lý - Trần.

Xét về mặt địa hình và mạng lưới giao thông, ở thời Lý không có hệ thống giao thông nào thuận tiện và an toàn hơn là các con sông. Từ Thăng Long đi về phía nam ra biển lúc đó sông Hồng và sông Đáy là hai tuyến chính. Nhiều tư liệu lịch sử và địa lý cho thấy vào thời kỳ này, sông Đáy có vai trò quan trọng hơn sông Hồng. Đối với xứ Nam, trong đó có phủ Ứng Phong, các con sông nhỏ nổi hai con sông này giữ vị trí cực kỳ quan trọng. Đó là các con sông Châu Giang, Ninh Giang, sông Đào và Ba Sắt (Sông Sắt). Ba Sắt là con sông cổ nối thông sông Châu Giang với sông Đào ở đoạn gần cửa biển .

Vị trí của xã Minh Thuận hiện nay nằm vào khu vực ngã ba nơi tiếp giáp của hai con sông Ba Sắt và Ninh Giang. Từ đây theo đường sông Ninh có thể đi tới sông Châu Giang và Hành cung Lý Nhân một cách dễ dàng và thẳng theo sông Ba Sắt là ra tới biển. Minh Thuận chỉ cách Hiên Khánh một con đường đất (đường 56) vốn là một con đường dịch mã cổ. Xét về mặt địa thế và các tuyến giao thông kết hợp với các nguồn sử liệu có liên quan, hành cung Ứng Phong nằm ở khu vực Minh Thuận và Hiên Khánh là hợp lý.

Về mặt địa danh, bộ phận gốc của xã Minh Thuận (gồm các thôn Bạch, Phu, Phú Cốc, Phú Lão, Phú Vinh, Hướng Nghĩa, Trại Kho), từ thời Lê về trước có tên là xã Hành Cung (行宮). Khi ấy xã Hành cung có 2 thôn Điện (殿) và Lục (六) gồm 6 xóm sau phát triển thành 6 thôn : Bạch, Phu, Kho (Phú Lão), Trại Kho (Trại Phú Lão// Đại Lão), Gộc (Phú Cốc), Khống// Hống (Phú Vinh) .

Đến năm Minh Mạng thứ nhất (1820) xã Hành Cung đổi tên là Hành Nhân (行仁) thôn Điện đổi làm Kính Nghĩa và đến thời Thành Thái (1889-1907) mới đổi là Hướng Nghĩa (向义). Đầu thế kỷ XX, chính quyền thực dân chủ trương chia nhỏ các

xã. Trừ trường hợp hai thôn Bạch và Phu gộp lại làm một, còn lại mỗi thôn cũ của xã Hành Cung xưa đều trở thành một xã nhưng vẫn giữ lại tên Hành Nhân [4, tr.611]:

1. Xã Hành Nhân Hướng Nghĩa (行仁向义)
2. Xã Hành Nhân Bạch Phu (行仁壁敷)
3. Xã Hành Nhân Đại Lão (行仁大老)
4. Xã Hành Nhân Phú Vinh (行仁富荣)
5. Xã Hành Nhân Phú Cốc (行仁富谷)
6. Xã Hành Nhân Phú Lão (行仁富老)

Các địa danh nói trên phần nào gợi nên ý nghĩa của một vùng đất đã từng có cung điện với những lễ nghi tế lễ trang nghiêm. Ngoài ra ở Minh Thuận còn có các xóm mang tên Mền, Nén, Dầu... hay các gò đồng có tên Gò Ngựa, Đống Dọn... Được nhân dân địa phương giải thích là có liên quan đến việc tế lễ của vua quan xưa. Bến sông cổ sát ngay thôn Hướng Nghĩa (thôn Điện) có tên là Bến Đền.

Các di tích thờ cúng ở Minh Thuận cũng có rất nhiều nét đặc biệt. Trước hết đó là mật độ các di tích rất dày đặc. Chỉ tính riêng đình, chùa, miếu, phủ (tức là không kể nhà thờ Thiên chúa giáo) của 7 thôn thuộc xã Hành Cung xưa đã có tới 39 di tích. Xin xem bảng dưới đây :

	Tên Thôn	Đình	Chùa	Phủ	Miếu	Tổng số
1	Phú Lão	1	1	1	7	10
2	Bạch	1	1	1	6	9
3	Hướng Nghĩa	1	1	1	3	6
4	Phú Vinh	1	1	1	2	5
5	Phú Cốc	1	1	1	1	4
6	Phu	1	1	1	1	4
7	Trại Kho	0	0	1	0	1
	Tổng số	6	6	7	20	39

Điều đáng nói là trong đình của các thôn Phú Lão, Bạch, Hướng Nghĩa đều thờ Hậu Tắc (后稷). Hiện tượng này hầu như không thấy có ở các làng xã khác trong huyện. Phải chăng đây là nơi đã từng diễn ra các lễ nghi tế lễ nông nghiệp quan trọng của triều đình.

Việc phát hiện được những hiện vật liên quan đến kiến trúc thời Lý như gạch ngói, gốm trang trí, tảng kê chân cột có trang trí cánh sen ... ở khu vực Bến Đền càng khẳng định thêm giả thuyết đã nêu trên là có cơ sở. Tuy nhiên, những kết luận cuối cùng về sự hiện diện của Hành cung Ứng Phong thời Lý trên địa phận xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản còn cần tới những tư liệu xác thực của các cuộc khai quật khảo cổ học.

Trong “không gian thiêng” gắn liền với khu vực hành cung, Lý Nhân Tông đã cho xây dựng trên núi Chương Sơn (nay thuộc xã Yên Lợi, huyện Ý Yên) tòa bảo tháp Vạn Phong Thành Thiện. Năm 1117 ông đã đích thân tới làm lễ khánh thành.

Liên quan đến Hành cung Ứng Phong có một sự kiện quan trọng được chép trong các bộ sử biên niên. Đó là việc vào năm 1123 nhân chuyến về hành cung Ứng Phong, vua Lý Nhân Tông cho bắc cầu qua sông Ba Lạt. Sách *DVSKTT* viết: “*Quý Mão (1123)... Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra hành cung Ứng Phong xem gặt lúa. Chuyến đi này bắc cầu vòng qua sông Ba Lạt*”. Dịch giả chú thích như sau: “*Sông Ba Lạt là khúc sông Hồng chảy ra cửa Ba Lạt ngày nay*” [2, tr.292]. Chính vì vậy mà nhiều nhà sử học cho rằng từ thế kỷ XII nhà Lý đã cho bắc cầu qua sông Hồng.

Theo các tài liệu địa lý học lịch sử, dù không có thể không lớn như hiện nay, hạ lưu sông Hồng thời Lý, đoạn chảy dọc địa phận Nam Định ra biển không thể là nhỏ đến mức với kỹ thuật thời đó có thể bắc cầu qua.

Cũng sự kiện này, sách *Việt sử lược* (VSL) lại chép: “*Xây Phi kiều qua sông Bà Thích*”. Có thể giải thích sự khác biệt tên con sông được chép ở hai bộ sử là do nhầm tự dạng vì Ba Lạt (波刺) và Bà Thích (婆刺) có thể bị chép lẫn, cũng có thể là hai cách phiên âm Hán Việt tên Nôm [5, tr.229] của một con sông mà vua Lý đã cho bắc cầu qua. Điều đáng nói là dịch giả sách VSL có lời đoán định khác với dịch giả *DVSKTT* khi cho rằng: “*sông Bà Thích có lẽ là con sông Nam Bình nối sông Hồng với sông Đáy, chảy qua huyện Nghĩa Hưng*”⁽⁸⁾, nghĩa là một con sông nào khác chứ không phải sông Ba Lạt (sông Hồng).

Có một chi tiết rất đáng lưu ý là cả hai bộ sử được dẫn ở trên khi chép về sự kiện này đều gắn với việc vua ngự đến hành cung Ứng Phong. Vì vậy cây cầu có thể được bắc qua một con sông gần với vị trí của hành cung. Xét về mặt ngữ âm, Ba Lạt hay Bà Thích rất có thể là hai cách phiên âm tên con sông Sát hay Ba Sát nằm giữa hai huyện Vụ Bản và Ý Yên. Đoán định này hoàn toàn có cơ sở vì việc bắc cầu được tiến hành mấy năm sau khi tháp Chương Sơn khánh thành. Một cây cầu nối liền khu vực hành cung (trên đất Vụ Bản) với nơi tế lễ (tháp Chương Sơn) rất phù hợp với phong cách kiến trúc thời Lý.

Trong suốt thời Lý, phủ Ứng Phong luôn là một địa bàn có vị trí chiến lược về cả phương diện quân sự, kinh tế và văn hoá, là cửa ngõ phía nam của kinh thành Thăng Long thời bấy giờ. Trong quan hệ với Champa, vùng đất này giữ vai trò một địa bàn trọng yếu. Hầu hết những cuộc tiến công của quân Champa vào kinh đô Thăng Long đều tiến nhập theo con đường này và những cuộc chinh phạt phương nam của nhà Lý cũng xuất phát từ đây. Chính do vị trí của ngõ mà vào đầu thế kỷ thứ XIII, tại đây đã nổi lên thế lực họ Trần. Với sinh khí của một vùng đất đang phát triển dòng họ này đã mở ra một triều đại mới, đưa nước Đại Việt bước vào một kỷ nguyên thịnh trị. Nhà Trần (1225-1400) đã cho xây dựng hành cung Thiên Trường, biến nơi đây thành một trung tâm được ví như kinh đô thứ hai của quốc gia Đại Việt.

⁽⁸⁾ Nhiều từ có phụ âm “S” trong tiếng Việt khi dùng tiếng Hán để phiên âm, hoặc lấy âm tạo chữ Nôm thường dùng các từ có âm Hán - Việt bắt đầu bằng phụ âm “L”. Chẳng hạn như “sức” → “lực” (力), “Sen” → “liên” (蓮), “sáp” → “láp” (蜡), “sâu” → “lâu” (婁)... nên Sát hoàn toàn có thể dùng từ “Liệt” hay “Lạt” để phiên âm. Trong dân gian hiện nay vẫn gọi theo tên Nôm là Sát hay Ba Sát thì rất có thể sông Ba Lạt hay Bà Liệt được ghi chép trong các bộ sử chính là con sông này.

Sẽ khó lòng lý giải được vai trò quan trọng của vùng đất này và những sự kiện lịch sử lớn đã từng diễn ra ở đó trong suốt thời Lý - Trần nếu không thấy hết tầm mức trọng yếu của một vùng cửa ngõ châu thổ sông Hồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Nam nhất thống chí*, tập III, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư* tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
4. Vũ Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ*, EFEO, 1999.
5. *Việt sử lược*, NXB Văn-Sử-Địa, Hà Nội, 1960.
6. *Việt sử thông giám cương mục*, tập IV, NXB Văn-Sử-Địa, Hà Nội, 1963.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XVIII, N^o2, 2002

THE GATEWAY POSITION OF THE RED RIVER LOWER DELTA AND THE OUTER PALACE OF UNG PHONG UNDER THE LY DYNASTY

Prof. Dr. Sc. Vu Minh Giang

College of Social Sciences and Humanities - VNU

Under the Ly Dynasty the area between the Red River and the Day River had an important position as the main gateways from the sea to the Delta. This area rapidly became a cross-road, where trade activities bustled. This circumstance impacted intensively on the economic life and cultural physiognomy of northern Vietnam.

Due to the importance of this area the Ly Dynasty built here an outer palace. Although this palace was mentioned so much in the annals, based only on the sources of written material, historians have not been able to define its position. In this article the author provides the evidence to prove that Ung Phong Palace should be in Minh Thuan village, Vu Ban district. Based on this definition the author rectifies also the opinion that in 12th century the Ly Dynasty built a bridge over the Red River and put up the hypothesis that Ba Lat (the other name of the Red River) mentioned in the annals was a phonetic variant of Ba Sat - a river separated Ung Phong Outer Palace from small mount of Chuong Son on it 5 years before the Court built a big tower. A bridge linking the Outer Palace area (in Vu Ban territory) with a Ritual site (Chuong Son Tower) complied much with the Ly Dynasty architectural style.

Through the Ly epoch, Ung Phong was always a strategic position. It was worth being a southern gateway to Thang Long capital at the time. And just with this gateway position, from there, the power of Tran's family rose up, and throughout the Tran epoch, this land was considered as Dai Viet second capital.